

Bản án số: **17/2019/DS-ST**.

Ngày: **26-6-2019**

V/v Tranh chấp hợp đồng vay.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân

1/ Bà Võ Hân Hoan

2/ Bà Trần Thị Lệ

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Tòng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST – DS ngày 19/02/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST – DS ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Tăng Văn T**, sinh năm 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 131 khóm A, phường 2, thị xã X, tỉnh S.

2. Bị đơn: Bà **Phan Thị P**, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 141 khóm A, phường 2, thị xã X, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Tăng Văn T trình bày:**

Vào ngày 14/4/2018 bà Phan Thị P có vay của ông số tiền 77.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Việc vay tiền có làm biên nhận ngày 14/4/2018 nhưng không có ghi lãi suất. Đến hạn trả tiền bà P không trả tiền

được cho ông mà xin trả góp vốn và lãi cho ông, ông cũng đồng ý. Sau đó mỗi ngày bà P đưa cho ông 400.000đồng, rồi đưa dần cứ 10 ngày hoặc 15 ngày bà P đưa ông 2.000.000đồng, tính đến ngày 15/01/2019, bà P đã trả ông được số tiền là 50.000.000đồng. Theo đơn khởi kiện ông cho rằng tổng cộng số tiền gốc và lãi hiện nay bà P còn nợ ông số tiền là 30.748.000đồng. Nhưng nay qua đối chiếu sổ sách ông xác định bà P còn thiếu ông 21.000.000đồng nên yêu cầu bà P trả cho ông số tiền 21.000.000đồng và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày 14/4/2018 (ngày bà P nhận nợ) cho ông đến ngày xét xử sơ thẩm.

*** Bị đơn bà Phan Thị P trình bày ý kiến:**

Trước đây bà chỉ vay của ông T số tiền là 60.000.000đồng, mỗi ngày góp 180.000đồng góp gần 10 tháng nhưng sau thời gian thiếu bà không có đủ khả năng trả nên chót lại vốn và lãi là 77.000.000đồng. Ngày chót là ngày 14/4/2018 là ngày lập biên nhận thiếu ông T 77.000.000đồng. Bà và ông T có thỏa thuận là bà sẽ trả tiền góp ngày cho ông T mỗi ngày là 400.000đồng đến khi hết số nợ chứ không có tính lãi như ông T đã trình bày. Nay ông T yêu cầu bà trả tiền lãi cho ông T bà không thống nhất, bà chỉ đồng ý trả cho ông Tuấn 21.000.000đồng còn thiếu và yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đồng vì hiện nay bà không còn khả năng trả cho ông T một lần.

*** Phát biểu của kiểm sát viên:** Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Theo nguyên đơn ông Tăng Văn T khởi kiện cho rằng vào ngày 14/4/2018 có cho bà Phan Thị P vay số tiền 77.000.000đồng, bà P có làm biên nhận nợ sau khi vay bà P có góp trả vốn cho ông được 56.000.000đồng, còn lại 21.000.000đồng đến nay không trả, bà P cũng thừa nhận đến nay còn thiếu ông T 21.000.000đồng đồng ý trả nhưng xin trả dần nhưng ông T không đồng ý. Xét việc bà P có thừa nhận hiện nay còn nợ ông T 21.000.000đồng đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, sau khi vay phía bà P không thực hiện đúng theo thỏa thuận xem như bà P vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên ông T yêu cầu bà P trả nợ là có căn cứ. Về phần lãi suất phía bà cho rằng có trả lãi nhưng ông T không thừa nhận, bà cũng không có căn cứ gì chứng minh từ ngày làm biên nhận nợ với ông Tuấn bà có trả lãi cho ông Tuấn nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà Phúc. Vì vậy căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông T là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả vốn và lãi của ông T đối với bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào ngày 14/4/2018 ông Tăng Văn T có cho bà P vay số tiền 77.000.000đồng, việc cho vay có làm biên nhận bà P có thừa nhận và có tên vào biên nhận. Theo thỏa thuận hàng ngày bà P góp cho ông T 400.000đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên. Sau khi thỏa thuận phía bà P có thực hiện việc góp trả tiền cho ông T đến ngày 23/02/2019 với tổng số tiền góp trả được 56.000.000đồng, còn lại 21.000.000đồng thì ngưng đến nay không góp trả nữa. Xét việc ông T và bà P có thỏa thuận nêu trên là có xảy ra trên thực tế, và bà P có thừa nhận đến ngày 23/02/2019 còn nợ ông T số tiền 21.000.000đồng chưa trả đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi vay bà P đã không thực hiện đúng như thỏa thuận nên xem như bà P vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vì vậy tại phiên tòa hôm nay ông Tuấn yêu cầu bà P trả số tiền 21.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nghĩ nên chấp nhận. Việc bà P xin trả dần số tiền này mỗi tháng 500.000đồng ông T không đồng ý nên không thể chấp nhận theo yêu cầu này của bà P.

[2] Xét về lãi suất: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T và bà P đều xác định: Sau khi làm biên nhận vay số tiền 77.000.000đồng bà P góp trả tiền cho ông T đến ngày 23/02/2019 được số tiền 56.000.000đồng, còn lại 21.000.000đồng thì ngưng luôn cho đến nay, việc này bà P cũng thừa nhận. Thấy rằng theo ông T cho rằng thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng bà P không có đóng lãi cho ông, bà P thì cho rằng có đóng lãi gần 10 tháng không góp nổi nên chuyển sang góp nhưng ngoài lời thừa nhận có ký biên nhận nợ vay số tiền 77.000.000đồng và thừa nhận cho đến nay còn nợ ông T 21.000.000đồng thì không có căn cứ gì chứng minh bà đã đóng lãi cho ông T. Vì vậy, ông T yêu cầu bà P phải trả lãi cho ông với mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền 21.000.000đồng bà P còn nợ, thời gian tính lãi từ ngày 14/4/2018 (ngày nhận nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 02 tháng 12 ngày là có cơ sở phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T thống nhất yêu cầu tính mức lãi suất 20% của số tiền 21.000.000đồng và yêu cầu thời gian tính lãi là 12 tháng, xét đây là sự tự

nguyện của ông T và có lợi cho phía bị đơn nghĩ nên ghi nhận ý kiến này của ông T. Như vậy số tiền số tiền lãi bà P phải trả cho ông T là: 21.000.000đồng x 20%/năm x 01 năm = 4.200.000đồng. Tổng số tiền bà P phải trả cho ông Tuấn là 21.000.000đồng + 4.200.000đồng tiền lãi = 25.200.000đồng.

Đối với bị đơn bà P yêu cầu trả cho ông T số tiền 21.000.000đồng nhưng xin trả dần và yêu cầu không trả lãi việc này ông T không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà.

[3] Tại tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến về thủ tục và nội dung vụ án là có căn cứ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận:

[4] Án phí: Lẽ ra bà P phải chịu án phí nhưng do bà P là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Do ông T được miễn tạm ứng án phí và án phí nên không xử lý về tiền tạm ứng án phí của ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng điểm đ Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu của ông Tăng Văn T về việc yêu cầu bà Phan Thị P trả tiền nợ vay còn thiếu.

Buộc bà Phan Thị P có trách nhiệm trả cho ông Tăng Văn T số tiền 25.200.000đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án (27/6/2019) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí sơ thẩm: Bà P được miễn tiền án phí điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh